



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Dầu Khí

Ngày 31/12/2025	7,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.2%	-	10.0%

DT thuần Q4/25
12.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.6 -53.6%
YoY: ▲ 4.25 50.0%

LN thuần Q4/25
2.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.78 335%
YoY: ▼1.84 -44.4%

LN sau thuế Q4/25
1.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.70 -63.8%
YoY: ▼1.42 -48.1%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
429%
YoY: +/-▼ 46.0%

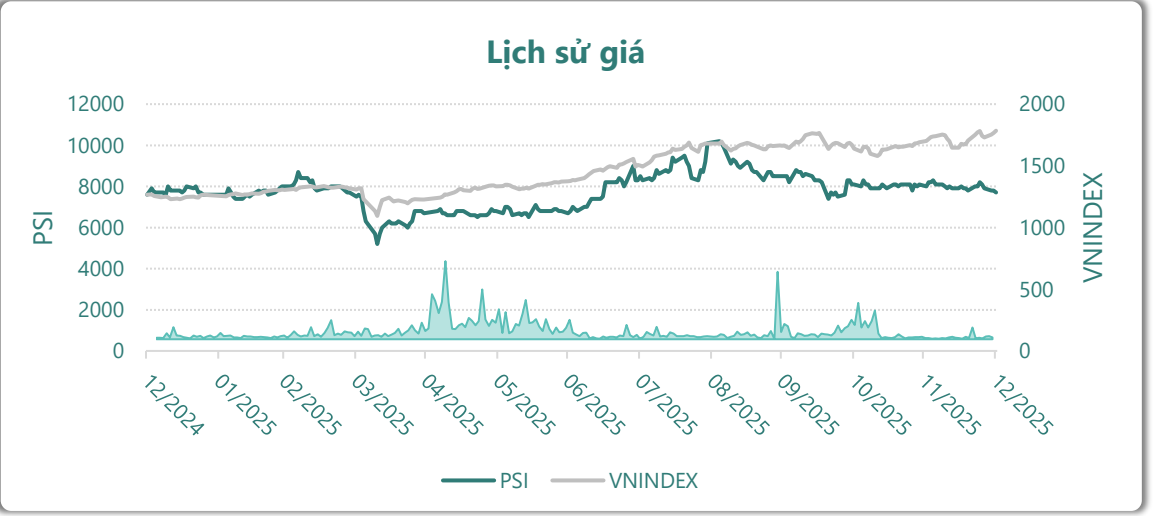
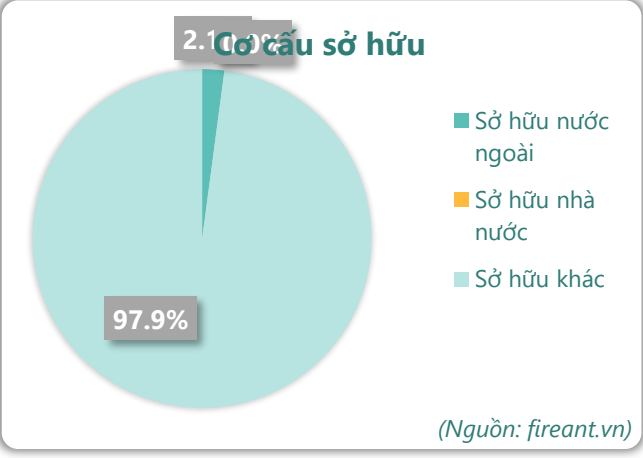
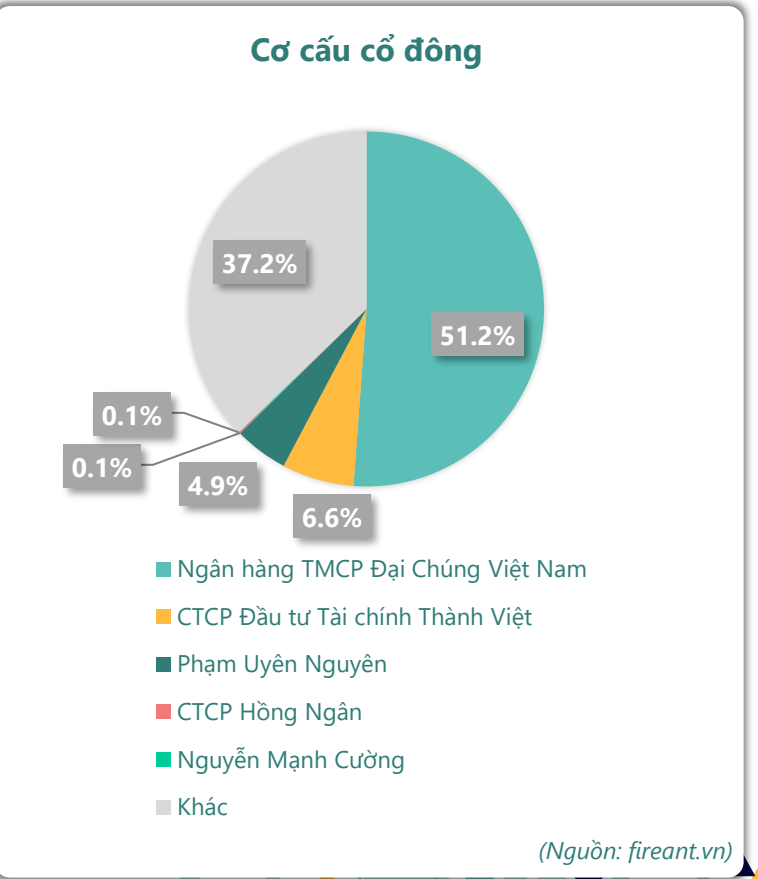
ROE 2025

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,200 - 10,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	461
Số lượng CPLH (CP)	59,841,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	135,820
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	1.66
EPS	745
P/E	10.3

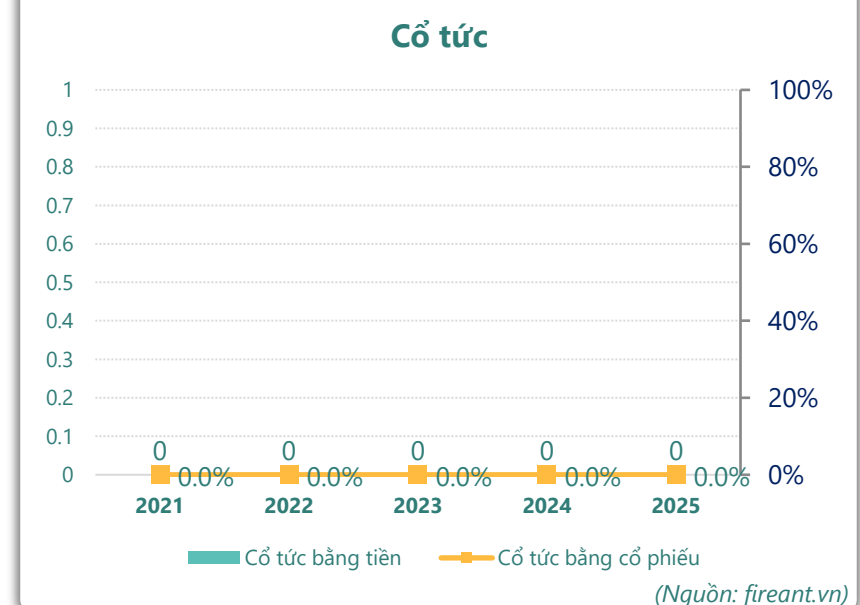
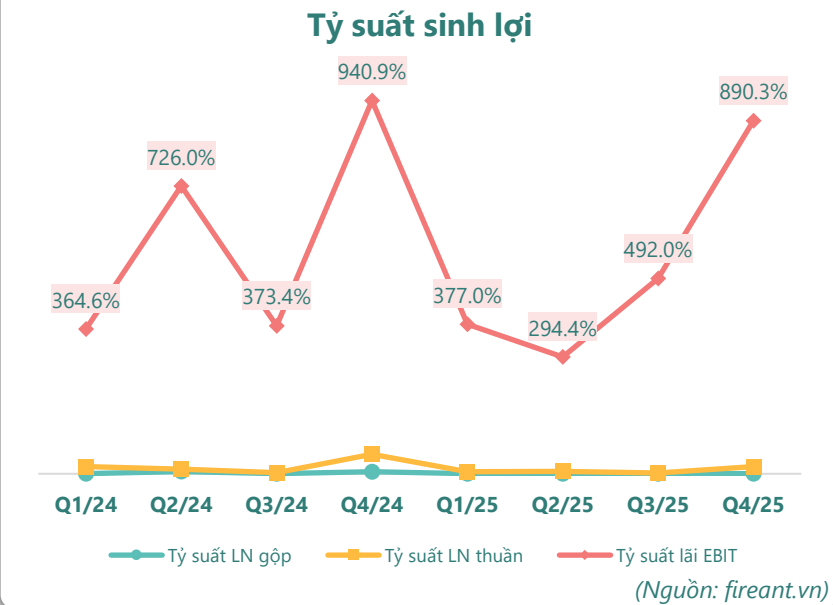
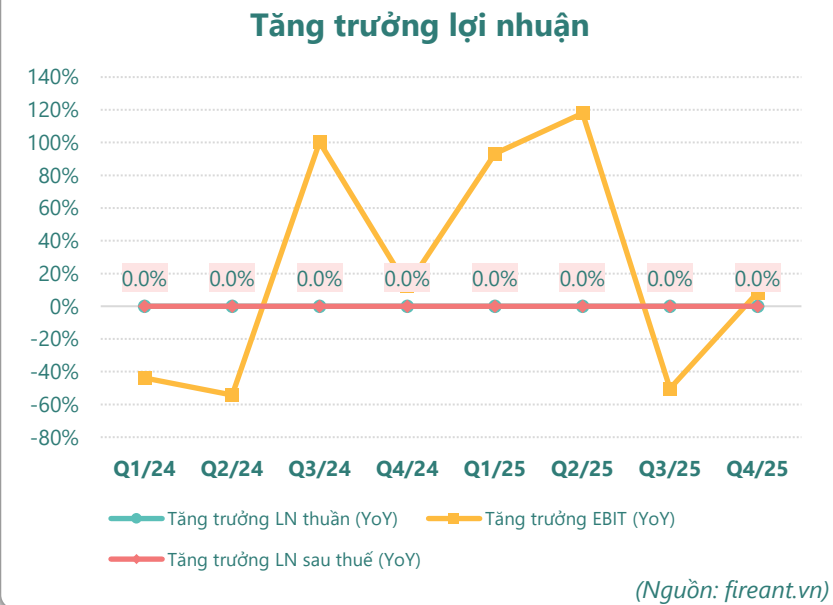
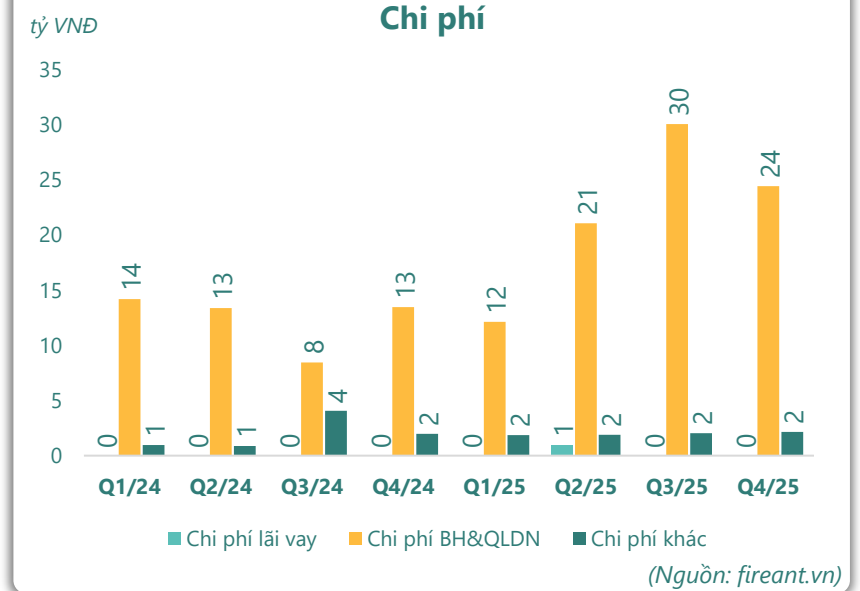
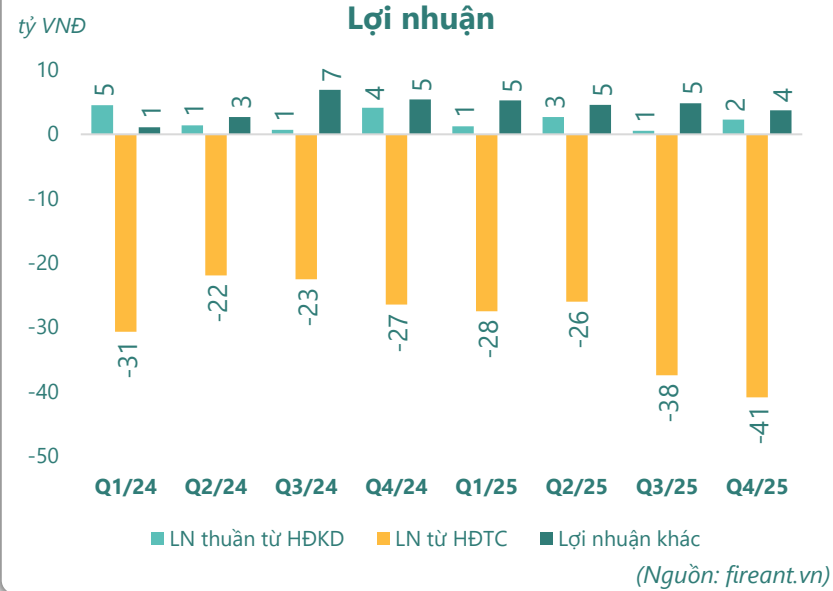
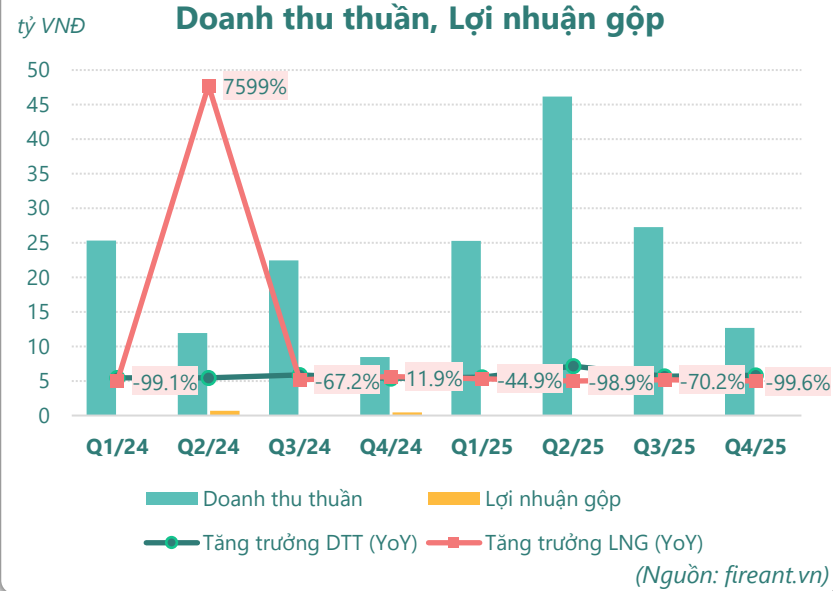
DT thuần 2025
111
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 38.6 53.9%

LN thuần 2025
6.81
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.89 -36.6%

LN sau thuế 2025
8.52
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.95 52.9%



KẾT QUẢ KINH DOANH





TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

Tổng TS

2021 2022 2023 2024 2025

Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

100%
90%
80%
70%
60%
50%
40%
30%
20%
10%
0%

2021 2022 2023 2024 2025

Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

1
1
1
1
1
1
1
1
0
0
0
0
0
0
0
0

0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0%

Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

40
35
30
25
20
15
10
5
0

Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

1
1
1
1
1
1
0
0
0
0
0
0
0
0

Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

2,500
2,000
1,500
1,000
500
0

Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

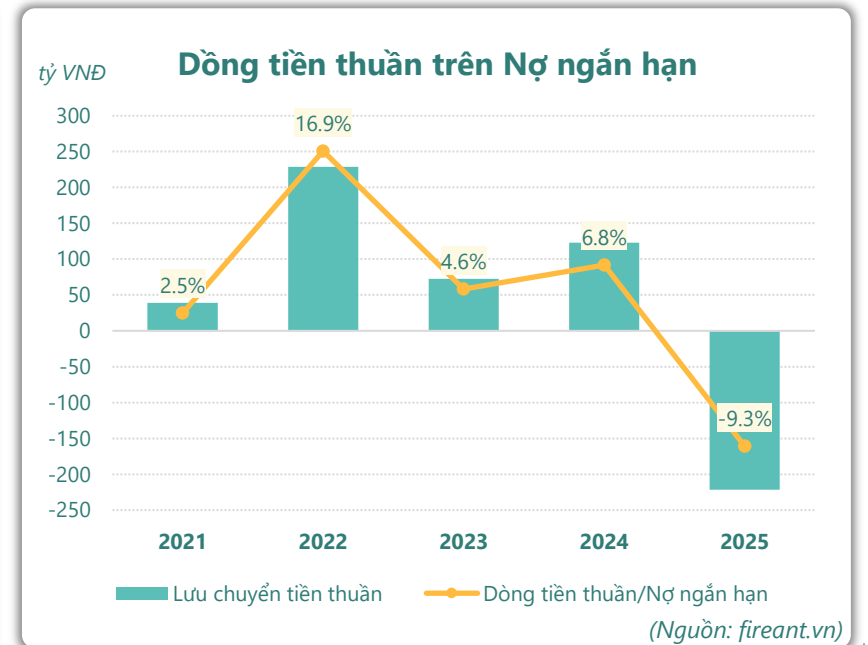
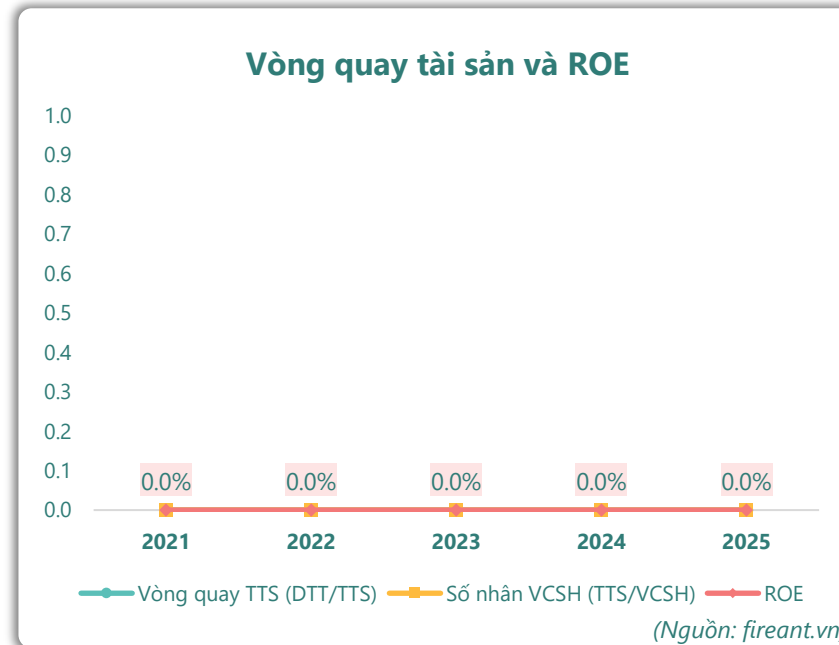
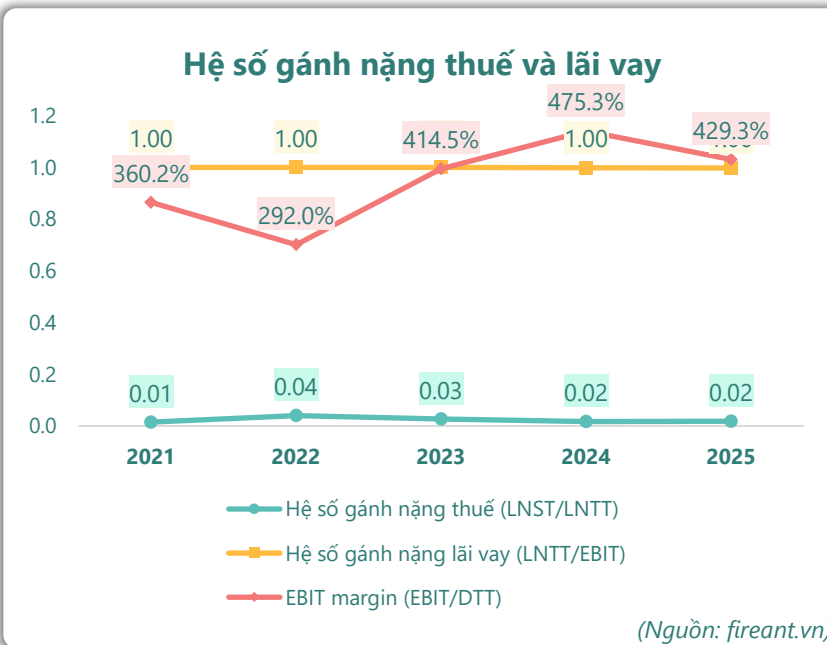
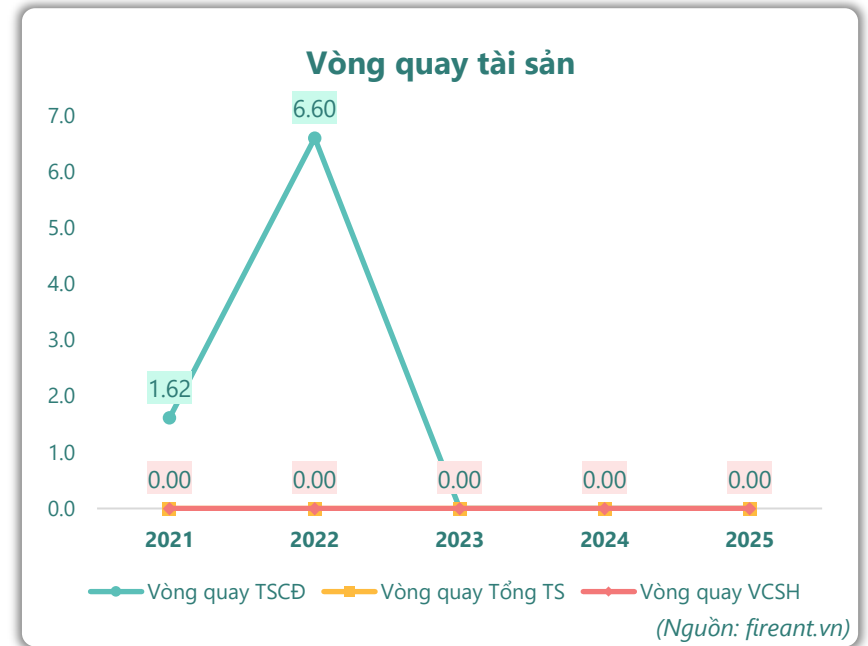
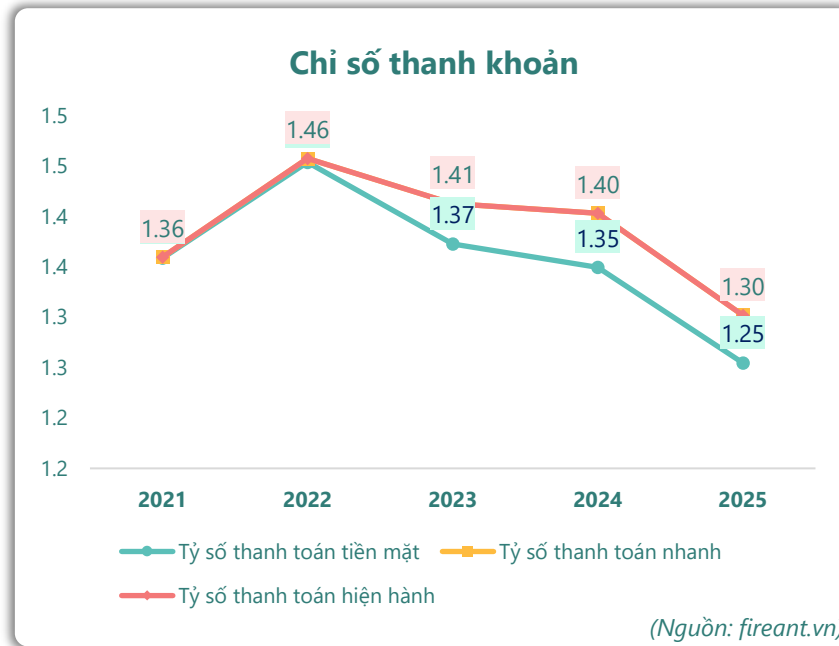
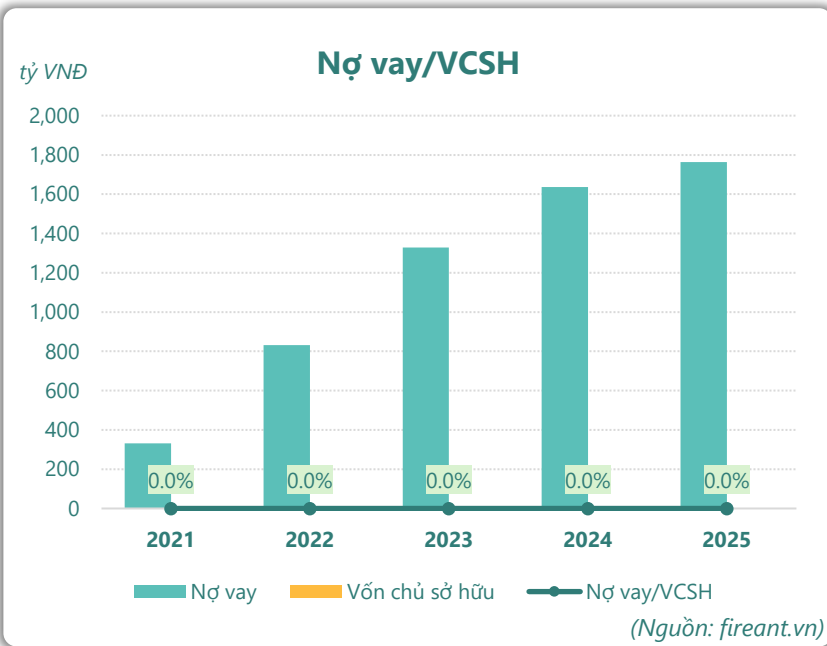
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	12.7	8.45	50.0%	111	72.4	53.9%
Giá vốn hàng bán	0.79	1.79	-55.9%	10.2	7.35	38.5%
Lợi nhuận gộp	0.00	0.46	-99.6%	0.01	0.64	-97.9%
Doanh thu HĐTC	12.9	8.63	49.4%	50.8	35.7	42.5%
Chi phí TC	53.8	35.1	53.3%	183	142	29.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		1.00	0.50	100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	24.5	13.5	81.2%	87.8	49.5	77.3%
Chi phí QLDN	0	0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	2.31	4.15	-44.4%	6.81	10.7	-36.6%
Lợi nhuận khác	3.72	5.41	-31.2%	18.4	17.3	6.4%
LN trước thuế	113	79.5	41.9%	477	344	38.9%
Lợi nhuận sau thuế	1.54	2.96	-48.1%	8.52	5.57	52.9%
LNST của CĐ cty mẹ	0.73	0.00		0.73	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23,463	-186	-623	87.5	-267	405
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.89	0.33	0.34	0.38	0.49	-1.40
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	23,368	69.5	302	66.0	174	-365
Tiền đầu kỳ	696	593	477	156	310	67.2
Lưu chuyển tiền thuần	-103	-116	-321	154	-92.7	38.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	593	477	156	310	67.2	255

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	3,088	2,555	20.9%
Tiền và tương đương tiền	2,976	2,457	21.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	150	-100%
Phải thu ngắn hạn	134	142	-5.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	3.80	2.72	39.9%
Phải thu dài hạn	108	95.0	13.9%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	34.2	34.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.93	1.94	-0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,372	1,891	25.4%
Nợ ngắn hạn	2,372	1,821	30.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,763	1,566	12.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0.10	70.0	-99.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

